

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:144/2020/HNGĐ-ST

Ngày 08 - 9 - 2020

Về việc “*Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Thu Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vương Hoàng Phúc

2. Bà Trần Thị Sang

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Kiên Thị Minh Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 349/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Mỹ N, sinh năm 1992 (vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp VL, xã HT, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp BT, xã HL, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Ngô Thị Mỹ N trình bày: Về hôn nhân: Chị Ngô Thị Mỹ N và anh Nguyễn Văn V xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn thì

chị N và anh V sống hạnh phúc bên nhà anh V. Sau khi chị N mang thai thì phát sinh mâu thuẫn nên chị N về bên nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Thời gian ly thân đã lâu mà không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh V.

Con chung: Chị Ngô Thị Mỹ N và anh Nguyễn Văn V có 01 người con chung tên Nguyễn Minh C, sinh ngày 01/9/2014, hiện nay cháu Châu đang sống chung với chị N và phát triển bình thường về tinh thần, thể chất. Chị N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Chị Ngô Thị Mỹ N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 19/6/2020 chị Ngô Thị Mỹ N:* Chị N yêu cầu ly hôn với anh V, con chung thì Ngọc yêu cầu trực tiếp nuôi, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa hôm nay, Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự thực hiện đúng theo các quy định tại các Điều 51, 68, 97, 177, 196, 203, 205, 208, 209, 210, 211, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nội dung vụ án: Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Mỹ N. Chị N và anh V được ly hôn với nhau. Con chung: Giao con chung tên Nguyễn Minh C, sinh ngày 01/9/2014 cho chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ngoài ra, Vị kiểm sát viên còn phát biểu các vấn đề đương sự không yêu cầu và nghĩa vụ chịu án phí.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Ngô Thị Mỹ N có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn V đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Chị Ngô Thị Mỹ N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. anh Nguyễn Văn V đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228, 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Mỹ N và anh Nguyễn Văn V xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh là hôn nhân được pháp luật thừa nhận.

[4] Chị Ngô Thị Mỹ N trình bày thời gian đầu thời kỳ hôn nhân của chị N và anh V chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó thì bất đồng quan điểm sống, thường hay mâu thuẫn với nhau nên khi chị Mỹ mang thai đã về nhà cha mẹ ruột đẻ sinh sống và ly thân với anh V từ năm 2014 cho đến nay. Nguyên nhân ly thân giữa chị N và anh V là do anh V không lo làm ăn để chăm lo cho gia đình, chị N nhiều lần khuyên răn nhưng anh V không thay đổi. Thời gian ly thân cũng khá lâu từ năm 2014 cho đến nay nhưng anh V bỏ mặc chị N không có biện pháp hàn gắn tình cảm, Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh V không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh V về hôn nhân, con chung của anh V và chị N. Tại biên bản ghi lời khai ngày 01/7/2020 thì việc ly thân giữa chị N và anh V từ năm 2014 là đúng sự thật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh V không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh V và chị N không còn thương yêu nhau nên Hội đồng xét xử cho chị N ly hôn với anh V là có cơ sở.

[5] Con chung: Trong thời gian chị Ngô Thị Mỹ N và anh Nguyễn Văn V ly thân với nhau thì con chung tên Nguyễn Minh C vẫn sống chung với chị N và phát triển tốt về tinh thần và thể chất. Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung tên Nguyễn Minh C cho chị Ngô Thị Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng là tạo điều kiện tốt cho việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Châu. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ngô Thị Mỹ N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Án phí: Chị Ngô Thị Mỹ N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Ngô Thị Mỹ N. Cho chị Ngô Thị Mỹ N được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

Con chung: Giao con chung tên Nguyễn Minh C, sinh ngày 01/9/2014 cho chị Ngô Thị Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ngô Thị Mỹ N trình bày không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

*Về án phí:* Buộc chị Ngô Thị Mỹ N chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị N đã nộp theo biên lai số 0009687 ngày 28/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, chị N không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của đương sự.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đoàn Thị Thu Trang**